

Số: /BC-THPTTPK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Tân Phước Khánh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: đường Lý Tự Trọng, Kp. Khánh Hội, Phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0274.3659438

Website: thpttanphuockhanh.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh “Tạo dựng môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, thân thiện, chất lượng giáo dục cao”.

Tầm nhìn: “Là một trong những ngôi trường hàng đầu của tỉnh mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công”.

Hệ thống giá trị cơ bản bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nhằm đào tạo con người phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu chung là phát triển toàn diện cho người học về đạo đức trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng phân đầu là trường đạt chuẩn Quốc gia và có uy tín về giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường được thành lập từ năm 1966, khi đó quy mô trường chỉ có 2 lớp 6. Từ năm 1966 đến năm tháng 4/1975, trường có tên là trung học Châu Thành.

Sau ngày 30/04/1975 ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, khi đó trường có 12 lớp. Sau đó Ty giáo dục Sông Bé quyết định cho thầy Nguyễn Đình Lân làm hiệu trưởng chính thức và trường được đổi tên là trường phổ thông trung học Tân Uyên 2, có cả 2 cấp học. Từ tháng 5/1975 đến năm 1996, trường có tên là trường phổ thông trung học Tân Uyên 2.

Đến năm 1997, trường PTTH Tân Uyên 2 được UBND tỉnh Sông Bé đổi tên thành trường THPT Tân Phước Khánh. Từ năm 1997 đến nay, trường có tên là THPT Tân Phước Khánh.

Từ 20/09/2023 (NH 2023-2024) thầy Phạm Trọng Sang làm Hiệu trưởng với quy mô là 31 lớp, khoảng 1.250 học sinh và 77 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Năm học 2025-2026 thầy Phạm Trọng Sang làm Hiệu trưởng với quy mô là 32 lớp, khoảng 1.320 học sinh và 74 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Phạm Trọng Sang.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Tân Phước Khánh. Đường Lý Tự Trọng, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0274 3659438

Email: thpttanphuockhanh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường THPT Tân Phước Khánh thành lập theo Quyết định số: 243/QĐ-UB của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Bình Dương, ngày 25/01/1997.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1751/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2023 về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Tân Phước Khánh nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Ông Phạm Trọng Sang	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Phan Minh Tài	Phó Hiệu trưởng	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trưởng
3	Bà Nguyễn Thị Bích Nhuận	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Bùi Thị Kiều Oanh	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Thành viên
5	Ông Nguyễn Minh Thái	BTĐ TNCS Hồ Chí Minh	Thành viên
6	Bà Nguyễn Lê Khánh Hà	Thư ký Hội đồng	Thư ký
7	Bà Phan Thị Kiên	Tổ trưởng Tổ Ngữ Văn	Thành viên
8	Bà Nguyễn Phụng Hiếu	Tổ trưởng Tổ Hóa – CNNN	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hồng Uyên	Tổ trưởng Tổ Anh	Thành viên
10	Ông Võ Hồng Phúc	Tổ trưởng Tổ Sử - Địa - GDCD	Thành viên
11	Ông Trần Văn Dung	Tổ trưởng Tổ Lý-Sinh	Thành viên
12	Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc Xuân	Tổ trưởng Tổ Toán	Thành viên
13	Bà Bùi Thị Yến Nhi	Tổ trưởng Tổ Tin - CNCN	Thành viên
14	Ông Trần Quốc Phú	Tổ trưởng Tổ Thể dục-QP	Thành viên
15	Ông Đinh Thế Anh	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên
16	Ông Nguyễn Sách	Trưởng ban đại diện CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Phạm Trọng Sang

+ Quyết định số 2096/QĐ-SGDĐT ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Phan Minh Tài

+ Quyết định số 2098/QĐ-SGDĐT ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Bích Nhuận

+ Quyết định số 2097/QĐ-SGDĐT ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường

- Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Hoạt động giáo dục thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, thực hiện các dự án học tập, tham quan, cắm trại, đọc sách, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Trường THPT Tân Phước Khánh được tổ chức hoạt động theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Chức năng:

Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo chương trình đào tạo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và quốc gia.

Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, biên soạn và sử dụng giáo trình, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Tổ chức quản lý, đánh giá và khen thưởng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học theo quy định.

Nhiệm vụ và quyền hạn của trường học:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 33 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 74 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 826 đoàn viên/1.320 học sinh, với 32 chi đoàn và 01 chi Đoàn giáo viên.
- + Ban đại diện CMHS có 08 thành viên.
- + Có 08 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);.....

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Trọng Sang	Hiệu trưởng	0909327439	sangpt@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn
2	Phan Minh Tài	Phó Hiệu trưởng	0948679609	taipm@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn
3	Nguyễn Thị Bích Nhàn	Phó Hiệu trưởng	0977723403	nhuanntb@tanphuockhanh.sgdbinhduong.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Các cơ sở giáo dục báo cáo theo file Excel đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	6.097 m ²	6.097 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3.207,6/1320	3.207,6/1313
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	%	%
4	Số đầu sách	2.445	2.515
5	Số bản sách/người học	2.850/1.320	4.895/1.313

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THPT Tân Phước Khánh	Đường Lý Tự Trọng, P. Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	6.097 m ²	3.207,6 m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

T T	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	
2	Nâng cấp	0	
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	
	Tổng cộng		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Không

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	11	467	11	465	1		Khác	1		2
11	11	438	11	436	1		Khác	1		2
12	11	413	11	412	1		Định cư nước ngoài			1

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh năm học 2024-2025

2.1. Đối với học sinh

a) Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện)

Khối	TSHS	Tốt	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
10	465	461	4			
11	436	435	1			
12	412	404	7	1		

b) Học lực (kết quả học tập)

Khối	TSHS	Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
10	465	43	319	103		
11	436	89	278	69		
12	412	97	274	241		

c) Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi	Học sinh tiên tiến
------	-------------------	---------------	--------------------

10	1	42	319
11	7	82	278
12	2	95	274

- Số học sinh lưu ban: 0
- Số học sinh đậu tốt nghiệp: 412
- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học: 412

d) Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Học sinh giỏi cấp tỉnh	01 giải nhì, 04 giải ba, 08 giải khuyến khích	
2	Cuộc thi Olympic Học sinh giỏi Toán – Giải thưởng Lương Thế Vinh	- Cá nhân: 02 khuyến khích	
3	Cuộc thi Olympic Học sinh giỏi Ngữ văn – Giải thưởng Sao Khuê	- Cá nhân: 01 giải ba, 02 giải khuyến khích	
4	Cuộc thi Olympic các môn KHTN-KHXH cấp tỉnh	- Cá nhân: 01 giải nhất, 01 giải ba, 02 khuyến khích	

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	20	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	0	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	11	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đvt: Triệu đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	27.768.718	0
Dự TOÁN GIAO (2)	11.352.000.000	1.054.000.000

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự TOÁN BỔ SUNG (3)	2.335.473.869	624.424.800
Dự TOÁN TĂNG CCTL (4)	0	0
Dự TOÁN THU (1+2+3-4)	13.715.242.587	1.678.424.800
1. Tiền lương	6.529.420.086	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	150.460.000	
3. Phụ cấp lương	3.184.797.986	566.657.994
4. Các khoản đóng góp	1.905.534.984	
5. Thưởng	0	
6. Phúc lợi tập thể	28.005.000	
7. Các khoản thanh toán cá nhân	277.590.000	460.040.937
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	156.979.535	
9. Vật tư văn phòng	95.876.231	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	43.435.597	
11. Hội nghị	0	
12. Công tác phí	128.135.000	
13. Chi phí thuê mướn	134.507.865	104.712.500
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	121.242.300	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	197.499.816	355.340.340
16. Chi khác	23.792.960	19.320.000
17. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...	0	
18. Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	630.000.000	
20. Phụ cấp ưu đãi nghề (dạy học sinh khuyết tật)		
21. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		8.100.000
22. Trợ cấp Tết		
23. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
24. Chi hỗ trợ giải quyết việc làm (chi trợ cấp thôi việc)		
TỔNG CỘNG QUYẾT TOÁN	13.607.277.360	1.514.171.771
DỰ TOÁN CÒN LẠI	107.965.227	164.253.029
CHUYỂN SANG NĂM 2025	23.965.227	8.741.843
KINH PHÍ HUỖ	84.000.000	155.511.186

2. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGUỒN KHÁC NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)

TT	Chỉ tiêu	Học phí	Phí vệ sinh	Dạy buổi 2	Hoạt động tài chính	Cho thuê căn tin, giữ xe (nếu có)
	Năm trước chuyển sang	260.938.100	0	(4.870.108)	3.548.586	
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ trong năm	1.142.920.000	73.008.000	1.286.071.000	1.974.119	
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ trong năm	1.382.299.974	106.440.760	1.279.536.483	1.240.434	
-	Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp	375.521.221				
-	Chi phí thanh toán khác cá nhân, vật tư, công cụ và dịch vụ và hoạt động đã sử dụng	40.050.455	71.546.200	7.748.292		
-	Chi phí khấu hao TSCĐ	0				
-	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0		135.349.536		
-	Chi phí hoạt động khác	130.776.000	33.434.400	1.110.717.235		
-	Chi phí thuế GTGT	0				
-	Thuế môn bài	0				

TT	Chỉ tiêu	Học phí	Phí vệ sinh	Dạy buổi 2	Hoạt động tài chính	Cho thuê căn tin, giữ xe (nếu có)
-	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	35.640.000				
-	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	800.312.298				
3	Chi phí tài chính				1.240.434	
4	Chi phí thuế TNDN		1.460.160	25.721.420		
5	Kết quả kinh doanh dịch vụ					
	Tổng cộng					
	Số còn lại chuyển năm sau		1.640	1.664.409	4.282.271	

3. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CÁC LOẠI QUỸ NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Trích lập quỹ trong năm			Trích từ nguồn Buổi 2	Trích từ nguồn Thu hồi đất	Số đã sử dụng trong năm 2024	Tồn mang Sang 2025
		Trích từ ngân sách	Trích từ thu sự nghiệp	Trích từ hoạt động tài chính				
Quỹ PTHDSN	151.750.120	63.000.000	345.960.127				-	534.660.332
Quỹ Bỏ sung TN	82.323.996	472.500.000	406.488.809		-	-	738.354.000	64.418.218
Quỹ Khen thưởng	8.685.544	63.000.000	54.198.508		-	-	16.940.000	38.860.109
Quỹ Phúc lợi	59.358.017	31.500.000	27.099.254		-	-	119.199.900	390.715
Tổng	302.117.677	630.000.000	833.746.698	0	0	0	874.493.900	638.329.374

**4. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CÁC KHOẢN THU HỘ - CHI HỘ
NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)**

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Trích khen thưởng Sở chuyển về	5.090.000	0	1.490.000	3.600.000
Tiền khen thưởng HSG cấp tỉnh 2024-2025 và học sinh trúng tuyển ĐH điểm cao	-	350.280.000	350.280.000	-
Tiền hỗ trợ Tết nguyên đán 2024 từ UBND tỉnh BD	-	72.000.000	72.000.000	-
Tiền Vpp cấp cho thí sinh tham gia cuộc thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống ma túy 2024	-	250.000	250.000	
Tiền CSSKBĐ	143.908.627			79.704.352
Chi tiền mua thuốc y tế cho học sinh			11.858.275	
Chi tiền khám sức khỏe cho học sinh	-		52.346.000	
Tổng	148.998.627	422.530.000	488.224.275	83.304.352

Các khoản tạm thu:

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Tiền bồi thường cây xanh do UBND tp. Tân Uyên chuyển về	0	16.467.740	-	16.467.740

5. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025.

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
-----------------	--------------------	----------------	----------------

Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	06	4.320.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND	06	8.100.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2022-2023			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			

6. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	720.000đ	80.000đ/tháng * 9 tháng
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học	99.000đ	11.000/tháng * 9 tháng
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710đ/ tháng	73.710đ/tháng* 12 tháng (khối 10, 11); 73.710đ/tháng* 9 tháng (khối 12)
4	Dạy ôn tập buổi 2 khối 12	đồng/học sinh	Khối 12: 6.500đ/tiết	Thu theo tháng học thực tế và thu vào cuối đợt.
5	Quản lý học sinh, quản lý điểm, liên lạc điện tử, thời khóa biểu	đồng/học sinh/ năm học	70.000đ/năm học	Thu đầu năm học.
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí			Miễn học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP và Công văn số 1888/SGDDT- KHTC
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	631.800/ tháng	631.800đ/tháng* 12 tháng (khối 10, 11,12)
4	Khám sức khỏe ban đầu	đồng/học sinh/năm học	30.000đ/năm học	Thu đầu năm học
5	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	đồng/học sinh/năm học	70.000 đồng/học sinh/năm học	Thu đầu năm học

7. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

TT	Nội dung	ĐVT	Số người/số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị kê khai thuế trong năm	Người	74	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	9.747.227.543	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	42	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	11.444.400.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng		
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
IV	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	Người	03	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	268.693.895	
V	Số thuế đã nộp	Đồng	12.643.583	

8. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

8.1. Nguồn NSNN

TT	Nội dung	Kinh phí năm 2024 chuyên sang	Dự toán đầu năm 2025 (kể cả điều chỉnh bổ sung)	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kinh tòn chuyển kỳ sau
1	2	3	4	5	6
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.965.227	15.569.000.000	7.280.157.187	8.288.842.813
	Tiền lương		8.523.000.000	3.774.061.620	4.748.938.380
	Lương hợp đồng theo chế độ		270.000.000	94.360.000	175.640.000
	Khen thưởng				
	Phụ cấp lương		4.111.000.000	1.914.472.987	2.196.527.013
	Phúc lợi tập thể		35.000.000	16.025.036	18.974.964
	Các khoản đóng góp		1.300.000.000	1.098.572.348	201.427.652
	Thanh toán cho cá nhân		70.000.000	32.000.000	38.000.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng		180.000.000	94.188.054	85.811.946
	Vật tư văn phòng		95.000.000	53.149.206	41.850.794
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		30.000.000	8.550.877	21.449.123
	Hội nghị		25.000.000	0	25.000.000
	Công tác phí		70.000.000	37.620.000	32.380.000
	Chi phí thuê mướn		70.000.000	32.600.000	37.400.000
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		100.000.000	60.949.097	39.050.903
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		200.000.000	63.607.962	139.050.903
	Chi khác		80.000.000		80.000.000
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở				
	Trích lập các quỹ		400.000.000		400.000.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.741.843	1.229.000.000	616.391.090	621.350.753
	Thừa giờ		100.000.000		100.000.000
	Thanh toán cá nhân		237.000.000	98.733.300	138.266.700
	Đào tạo		180.000.000	98.720.000	81.280.000
	Nghiệp vụ chuyên môn		697.000.000	403.295.947	293.704.053
	Các thiết bị công nghệ thông tin			8.741.843	0

TT	Nội dung	Kinh phí năm 2024 chuyên sang	Dự toán đầu năm 2025 (kể cả điều chỉnh bổ sung)	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kinh tồn chuyển kỳ sau
1	2	3	4	5	6
	Cấp bù học phí		5.000.000	2.400.000	2.600.000
	Hỗ trợ chi phí học tập		10.000.000	4.500.000	5.500.000
3	Quỹ tiền thưởng		770.000.000	381.106.116	388.893.884
	Tăng thu nhập theo NQ 27/2025/NQ- HĐND ngày				

8.2 Nguồn thu sự nghiệp

TT	Nội dung	Học phí	Phí vệ sinh	Dạy buổi 2	Hoạt động tài chính
1	Kinh phí năm 2024 chuyển sang		1.640		4.282.271
2	Thu đến tháng 6/2025	525.600.000	65.700.000	0	2.367.817
3	Chi đến 30/6/2025	354.265.688	62.916.780	0	176.457
	Kinh phí còn lại chuyên kỳ sau	171.334.312	2.784.860	0	6.473.631

8.3 Tiền gửi các quỹ:

Tên quỹ	Tồn 2024	Trích lập quỹ trong năm			Số đã sử dụng 6 tháng đầu năm 2025	Tồn chuyển kỳ sau
		Trích từ ngân sách	Trích từ thu sự nghiệp	Trích từ hoạt động tài chính		
Quỹ PTHDSN	534.660.332	63.000.000	54.198.508		0	651.858.840
Quỹ Bỏ sung TN	64.367.904	472.500.000	406.488.809		924.382.940	18.973.773
Quỹ Khen thưởng	38.860.109	63.000.000	54.198.508		155.832.000	226.617
Quỹ Phúc lợi	390.715	31.500.000	27.099.254		40.780.001	18.209.968
Tổng	638.279.060	630.000.000	541.985.079		1.120.994.941	689.269.198

8.4 Các khoản thu hộ chi hộ:

Tên quỹ	Tồn 2024 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Hỗ trợ tết nguyên đán (Nguồn tỉnh ủy)	-	144.000.000	144.000.000	-
Khen thưởng Sở chuyển về	3.600.000	6.257.902	-	9.857.902
Khen thưởng HTQP Sở cấp	-	3.276.000	3.276.000	-
Khen thưởng KHKT cấp tỉnh	-	3.000.000	3.000.000	-
Chăm sóc SKBD	79.704.352	75.572.611	-	155.276.963
Tiền bồi thường cây xanh do UBND TP. Tân Uyên chuyển về	16.467.740	-	-	16.467.740
Tổng	99.772.092	232.106.513	150.276.000	181.602.605

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục sát với thực tiễn, phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.
- Việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị được bố trí hợp lý, hiệu quả.
- Đội ngũ giáo viên được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn, đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.
- Đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, phát huy năng lực tự học, sáng tạo của học sinh.
- Triển khai các hình thức học tập linh hoạt như học nhóm, học dự án, học trực tuyến.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
- Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ công khai, minh bạch, khách quan.
- Tăng cường sử dụng ngân hàng đề thi, ma trận đề để đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

- Tổ chức tư vấn hướng nghiệp định kỳ cho học sinh khối THPT.
- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp để tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp thực tế.
- Đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp vào giảng dạy chính khóa.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

- Nhà trường tổ chức tốt các kỳ thi như thi học kỳ, thi chọn học sinh giỏi.
- Học sinh tích cực tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức KHKT, văn nghệ, thể thao,... và đạt nhiều giải thưởng.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a) Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường.
- Phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức học sinh.

b) Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Đảm bảo môi trường học tập xanh - sạch - đẹp - an toàn.
- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường.
- Tăng cường công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh

c) Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

- Nhà trường nghiêm túc thực hiện các quy định của Bộ GD&ĐT về dạy thêm, học thêm.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, không để xảy ra tình trạng thu chi sai quy định

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Đầu tư nâng cấp phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại.

- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất hiện có.
- Phối hợp với các đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực xã hội hóa

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Đầu tư nâng cấp phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại.

- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất hiện có.
- Phối hợp với các đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực xã hội hóa

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.
- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định.
- Nâng cao vai trò của các tổ chuyên môn, phát huy tính dân chủ trong quản lý.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường THPT Tân Phước Khánh về việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng QLCL);
- Ban Giám hiệu;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trọng Sang